

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03/10/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Đóa và bà Đỗ Thị Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 183/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1989. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Xóm A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Công trình B:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An vào ngày 28/8/2014, kết hôn là tự nguyện, không ai ép buộc. Do anh Đ đi làm công trình ít khi ở địa phương nên sau khi kết hôn chị

vẫn ở với bố mẹ tại xã Q, thỉnh thoảng anh Đ được về nghỉ thì anh Đ về ở xã Q và xuống xã Q thăm vợ con. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bình thường đến tháng 05/2015 phát sinh mâu thuẫn do chị phát hiện anh Đ chơi cờ, nợ nần nhiều tiền nên vợ chồng có xảy ra tranh cãi, anh Đ xin cho thời gian để thay đổi nhưng đến nay vẫn không thay đổi, vợ chồng ở xa nhau nhưng anh Đ không quan tâm đến vợ con dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Nay chị xét thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau, hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng 01 con chung là Nguyễn Nam D, sinh ngày 30/8/2015. Hiện nay con đang ở với chị, ly hôn chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua trao đổi trên ứng dụng Zalo anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Vợ chồng không có mâu thuẫn, anh không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về con và về tài sản.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/08/2024 anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1979 trình bày: Anh là anh trai ruột của anh Nguyễn Văn Đ. Các tài liệu chị C nộp cho Tòa án và các Thông báo của Tòa án gia đình anh đã nhận được và đã biết chị C xin ly hôn với anh Đ và quyền nuôi con chung. Anh đã trao đổi với anh Đ qua điện thoại để thông báo các nội dung văn bản và yêu cầu khởi kiện của chị C cho anh Đ biết. Sau khi kết hôn chị C vẫn ở nhà bố mẹ đẻ ở xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An, anh Đ vẫn ở nhà với mẹ và anh tại xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Anh Đ đi làm công trình thường xuyên xa nhà, khoảng một đến hai tháng về địa phương một lần thì về xã Q thăm vợ con, tối về xã Q ngủ ở nhà mẹ đẻ. Quá trình tiếp xúc anh không thấy anh Đ và chị C có mâu thuẫn gì, lý do chị C xin ly hôn chỉ vì anh Đ đi làm xa dẫn đến vợ chồng thiếu sự gần gũi, quan tâm. Vợ chồng anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Nam D, sinh ngày 30/8/2015, hiện nay cháu D ở với chị C vì anh Đ thường xuyên đi làm xa. Theo luật của đạo Thiên chúa giáo vợ chồng đã kết hôn thì không được ly hôn, qua trao đổi điện thoại ý kiến của là anh Đ không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về con và về tài sản. Anh mong muốn vợ chồng hòa giải trở về chung sống với nhau. Anh mong muốn hai em C và Đ đoàn tụ chung sống với nhau, anh cũng sẽ cố gắng nói chuyện tác động để vợ chồng em C và Đ hòa giải với nhau.

Cháu Nguyễn Nam D có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ là Nguyễn Thị C.

Kết quả xác minh tại UBND xã Q: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1989 và anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh

Nghệ An vào ngày 28/8/2014, kết hôn hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn vợ chồng anh Đ, chị C có xảy ra mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ vì không ai yêu cầu hòa giải tại cơ sở. Anh Đ và chị C có 01 con chung là Nguyễn Nam D, sinh ngày 30/8/2015, hiện nay cháu D đang ở với chị C tại thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ và xin được quyền nuôi con chung thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của BLTTDS; Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Nam D, sinh ngày 30/8/2015 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Văn Đ do chị C không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khoá 14 nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ, có nguyện vọng nuôi con chung đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh Nguyễn Văn Đ nơi thường trú tại xóm A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị C và anh Đ là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị C và anh Đ xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên ở xa nhau thiếu sự gắn kết và quan tâm về tình cảm. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2015 đến nay vẫn không có biện pháp cải thiện tình cảm của vợ chồng, chứng tỏ đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

[2.2] Về con chung: Xét thấy nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung của chị C là chính đáng, thể hiện trách nhiệm, nghĩa vụ và tình thương yêu đối với con. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Nguyễn Nam D ở với chị C, anh Đ đi làm công trình thường xuyên không ở địa phương, chỗ ở và nơi làm việc không mang tính chất cố định nên không có điều kiện để nuôi dưỡng và tạo điều kiện sống ổn định cho con. Mặt khác cháu Nguyễn Nam D cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị C không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản: Không ai yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Nam D, sinh ngày 30/8/2015 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ vì chị C không yêu cầu. Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không ai yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị C đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai số 0005649 ngày 03/7/2024.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã Quỳnh Giang;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nghệ

